

# VỀ ĐẶC THÙ VĂN HOÁ TRONG XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XHCN Ở VIỆT NAM

HOÀNG THỊ HẠNH<sup>(\*)</sup>

## I. Những nét đặc thù cơ bản trong văn hóa Việt Nam

### 1. *Lối sống trọng lệ hơn luật hay phép vua thua lệ làng*

Việt Nam nằm trong vùng ảnh hưởng của phương thức sản xuất châu Á, cấu trúc xã hội dựa trên mô hình công xã nông thôn, đối với người Việt, làng là một đơn vị tự cư của những người nông dân tồn tại từ lâu đời có tính gắn bó, bền vững, ổn định về nhiều mặt. Tuy không phải là cấp chính quyền, nhưng làng được coi là điểm nối dài trong bàn tay quản lý chính quyền tỉnh - huyện - xã. Làng là đơn vị tự quản, văn hoá làng là dòng văn hoá chủ đạo trong đời sống tinh thần người Việt. Tính đặc thù tự trị đó làm phát sinh trong xã hội Việt Nam *lối sống trọng lệ hơn luật* hay theo cách nói dân gian *phép vua thua lệ làng*.

Lệ làng thực ra là cách nói dân gian, nếu diễn đạt bằng ngôn từ khoa học gọi là Hương ước (đối với dân tộc Kinh) và Luật tục (đối với các dân tộc anh em). Hương ước và Luật tục là sản phẩm thành văn do cộng đồng dân cư Làng - Bản thoả thuận lập ra, chứa đựng một hệ thống các quy ước phong phú, đa

dạng, đóng vai trò cương lĩnh tinh thần của làng và là công cụ điều chỉnh các mối quan hệ trong nội bộ cộng đồng dân cư ở nông thôn, những quy ước này được người dân Làng - Bản tuân thủ một cách chặt chẽ và trở thành tập tục truyền từ đời này qua đời khác. Về phương diện lịch sử, Hương ước xuất hiện vào khoảng thế kỷ XV, còn Luật tục thì hầu như xuất hiện từ khi hình thành các dân tộc. Về nguyên tắc xây dựng, Hương ước và Luật tục được hình thành trên cơ chế dân chủ Làng - Bản, tính dân chủ thể hiện ở chỗ các quy ước do cư dân trực tiếp tự thoả thuận dựa trên ý chí thống nhất và quyền bình đẳng. Về phương diện nội dung, Hương ước và Luật tục chứa đựng những vấn đề liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ dân cư, thể hiện nhu cầu và nguyện vọng của họ. Do vậy, chúng phản ánh một cách sâu sát, đầy đủ những vấn đề đời sống cộng đồng và được chỉnh sửa khi cuộc sống có biến động.

### 2. *Lối sống trọng tình khinh lý và thái độ cả nể*

---

<sup>(\*)</sup> ThS., Giảng viên Đại Học Bách Khoa Hà Nội.

Lối sống coi trọng tình nghĩa là một nét đẹp truyền thống của người Việt từ xưa đến nay, nó được kết tinh trong văn hoá dân gian (folklore), thể hiện qua tục ngữ, ca dao, dân ca, huyền tích, trong những truyện ngụ ngôn. Nguyễn Trãi đã khái quát lối sống đó bằng hai câu thơ: “Ngõ ốc nhùng khiêm là mỹ đức. Đồi co ai dễ kém chi ai” (8, tr.426). Với một lối sống coi trọng tình nghĩa như vậy, khi gặp những vấn đề rắc rối trong cuộc sống, người Việt thường xử lý theo phương châm “một điều nhịn, chín điều lành”, “chín bỏ làm mười”, nên không đem chúng ra trước vành móng ngựa của toà án công lý mà xử lý theo tập quán, luật tục của dòng họ, của địa phương. Và nếu có đưa vụ việc ra trước pháp luật thì cũng xử lý theo hình thức “đưa nhau đến chốn cửa công, bề ngoài là lý, bên trong là tình”. Lối sống trọng tình khinh lý, tạo nên thói quen ngại khiếu tố, khiếu nại và thậm chí có ác cảm với những hiện tượng kiện tụng, phát sinh quan niệm “quan xa, bản nha gần”, “vô phúc đáo tụng đình”, “con kiến kiện củ khoai”, “quan thấy kiện như kiến thấy mỡ”.

Thái độ cả nể trong cách xử lý công việc hành chính nhà nước của các quan chức thời phong kiến, các công chức thời hiện đại bắt nguồn từ triết lý sống “một giọt máu đào, hơn ao nước lã”, “bán anh em xa, mua láng giềng gần”, “ta về ta tắm ao ta, dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn”, v.v... Thái độ cả nể là nguyên nhân phát sinh những hiện tượng “con ông cháu cha”, “một người làm quan cả họ được nhờ”, “nhất thân, nhì quen”. Thói quen cả nể vô tình làm phát sinh tình trạng khi gặp những trường hợp vi phạm luật pháp thì tự hoà giải trong nội bộ hơn là nhờ sự can thiệp pháp luật nhà nước.

### 3. Việt Nam là một trong những quốc gia đa sắc màu tôn giáo

Giống các quốc gia phương Đông khác như Trung Quốc, Ấn Độ, Việt Nam là quốc gia đa sắc màu tôn giáo. Ngoài những tôn giáo lớn mang tính phổ biến toàn cầu như Phật giáo, Đạo giáo, Thiên chúa, Tin Lành, Hồi giáo, ở Việt Nam còn có nhiều tôn giáo bản địa như Đạo Cao Đài, Đạo Hòa Hảo, Đạo thờ cúng tổ tiên, thờ Thành Hoàng, Tổ nghề, Đạo thờ vật tổ (Totemism) ở các dân tộc thiểu số anh em, v.v...

Lịch sử hình thành và phát triển tôn giáo cho chúng ta thấy rằng, từ khi hình thành đến nay, tôn giáo đã và đang đóng vai trò không nhỏ trong đời sống loài người. Trong tác phẩm “Đạo đức tin lành và tinh thần của chủ nghĩa tư bản”, Max Weber cho rằng, “biến thể Tin Lành của Kitô giáo ở phương Tây có thể sản sinh ra đạo đức duy lý và góp phần vào thắng lợi của sự biến đổi lịch sử vĩ đại - sự hình thành chủ nghĩa tư bản và sự phát triển năng động của xã hội” (11, tr.150). Bởi vì, những giáo lý Tin Lành là nguồn gốc hình thành lối sống giản dị, tiết kiệm, tính trung thực trong xã hội tư bản. Phát hiện này của Max Weber cho chúng ta thêm kinh nghiệm trong việc khai thác những giá trị của tôn giáo trong việc xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam hiện nay.

## II. Những đặc trưng cơ bản của nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam

Sau hơn hai mươi năm nghiên cứu, kể từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương xây dựng nhà nước pháp quyền, giới học giả Việt Nam bước đầu đã đi đến thống nhất một số quan điểm cho rằng, không thể áp dụng một cách

nguyên xi lý luận nhà nước pháp quyền phương Tây vào hoàn cảnh Việt Nam, vì ở Việt Nam có những điểm khác biệt về chế độ kinh tế - chính trị, văn hóa - xã hội. Do vậy, nhiệm vụ cơ bản của giới lý luận Việt Nam là phải xác định rõ những đặc trưng của Nhà nước pháp quyền Việt Nam. Kết quả nghiên cứu đã đi đến những kết luận cơ bản:

*1. Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo*

Các lý luận gia tư sản cho rằng, nhà nước pháp quyền phải có sự lãnh đạo của chính đảng đại diện cho giai cấp đang nắm trong tay quyền lực nhà nước. Ở Việt Nam, với một nền chính trị nhất nguyên, kể từ khi ra đời đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn giữ vai trò lãnh đạo đất nước trong công cuộc đấu tranh giành chính quyền, trong sự nghiệp đổi mới cũng như trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay. Vai trò này đã được khẳng định trong điều 4 Hiến pháp 1992 (sửa đổi năm 2001).

Trong sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam hiện nay, hơn bao giờ hết Đảng Cộng sản Việt Nam cần phải phát huy được vai trò và trách nhiệm lớn lao của mình. Tuy nhiên, để không chông chéo trách nhiệm, rơi vào tình trạng song trùng quyền lực giữa Đảng và Nhà nước thì vấn đề phân định sự lãnh đạo của Đảng cầm quyền và sự quản lý, điều hành của Nhà nước là hết sức cần thiết. Để có sự phân định quyền hạn và trách nhiệm giữa Đảng và Nhà nước theo phương châm: Đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ thì cần phải đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước là nhằm giữ

vững bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, đưa sự nghiệp đổi mới đi đúng định hướng XHCN.

*2. Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam là nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân*

Cơ sở nền tảng của nhà nước pháp quyền nói chung là xác lập dân chủ, tức là thừa nhận và bảo đảm thực hiện quyền lực thuộc về nhân dân. Đòi hỏi đầu tiên của nhà nước pháp quyền là nhà nước phải lắng nghe, tôn trọng và chấp thuận những quyết định quan trọng của nhân dân về vận mệnh hiện tại và tương lai của đất nước. Trong nhà nước pháp quyền, pháp luật nhà nước phải là sản phẩm ý chí, nguyện vọng, là tiếng nói trực tiếp của nhân dân, bảo vệ lợi ích thiết thân, thiết thực cho nhân dân. Nét đặc trưng của tư tưởng này ở Việt Nam được thể hiện ở chỗ nó được khẳng định như một thành quả đấu tranh lâu dài trong công cuộc giải phóng dân tộc Việt Nam chống lại ách thống trị của phong kiến, thực dân, đế quốc, kết thúc bằng cuộc cách mạng tháng 8/1945. Kể từ thời điểm lịch sử đó, Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời, thực sự là một nhà nước kiểu mới.

Nhà nước cộng hòa XHCN Việt Nam thực sự là nhà nước của dân, do dân, vì dân. Mọi cơ sở vật chất của nhà nước đều thuộc quyền sở hữu của dân, nhân dân có quyền bầu ra bộ máy nhà nước và cũng có quyền bãi miễn nó nếu thấy cần thiết, mọi chủ trương chính sách và pháp luật của nhà nước ban hành đều vì mục đích đời sống nhân dân.

*3. Trong Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam quyền lực nhà nước là thống nhất trên cơ sở có sự phân công và*

*phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc lập pháp, hành pháp và tư pháp*

Sự thành công của cách mạng XHCN, mà cụ thể ở Việt Nam là cách mạng tháng 8/1945, đã xoá bỏ Nhà nước phong kiến, thiết lập Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, sau đó đổi thành Cộng hoà XHCN Việt Nam. Một kiểu nhà nước mới được xây dựng trên nguyên tắc thống nhất quyền lực, không theo nguyên tắc tam quyền phân lập như trong nhà nước tư sản.

Đại hội Đảng lần thứ VII đã đưa ra quan điểm về sự tồn tại của ba quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp và sự phân công, phối hợp giữa ba phạm vi quyền lực đó của Nhà nước được chính thức khẳng định. Đến Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (khóa VII), quan điểm của Đảng cộng Sản Việt Nam về cơ bản đã được xác định rõ hơn: quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện ba quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

Đại hội Đảng lần thứ IX tiếp tục khẳng định nguyên tắc thống nhất quyền lực và có sự phân công phối hợp giữa các nhánh quyền lực. Hiến pháp năm 1992 được sửa đổi, bổ sung năm 2001 chính thức ghi nhận nguyên tắc này đã thể hiện bản chất nhân dân của quyền lực nhà nước trong xã hội ta, làm rõ và phong phú thêm các mối quan hệ của các chủ thể trong việc thực hiện quyền lực nhà nước. Quan điểm về sự thống nhất quyền lực nhà nước có sự phân công, phối hợp chặt chẽ giữa ba quyền là một quan điểm có tính nguyên tắc đóng vai trò phương pháp luận chỉ đạo đối với việc thiết kế mô hình tổ chức Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam.

Tóm lại, Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam có những đặc trưng riêng mà do điều kiện khách quan và chủ quan hay tính đặc thù về kinh tế, chính trị, văn hoá quy định. Những đặc trưng này quy định nội dung, tính chất, lộ trình xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam - một hình thức nhà nước khác với nhà nước pháp quyền tư sản. Đến lượt mình, những nét đặc thù kinh tế, chính trị, văn hoá tác động trở lại, có thể thúc đẩy hay làm chậm tiến trình xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam.

### **III. Ảnh hưởng của những nét đặc thù văn hóa tới việc xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam**

Những nét đặc thù văn hóa Việt Nam như đã phân tích ở phần đầu đang có những ảnh hưởng to lớn đến việc xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam, sự ảnh hưởng đó có thể khái quát trong mấy điểm sau:

*1. Hương ước và Luật tục đóng một vai trò khá quan trọng trong đời sống cộng đồng, góp phần điều chỉnh và đánh giá hành vi dân chúng*

Sau cách mạng tháng 8/1945, để xây dựng cuộc sống mới, Đảng ta tiến hành cách mạng tư tưởng văn hoá, thực chất là xoá bỏ những tàn tích phong kiến. Nhưng trong quá trình thực hiện, do tả khuynh nên chúng ta đã xoá bỏ Hương ước và Luật tục. Sự nghiệp xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN chứng minh rằng, nếu chỉ sử dụng thuần túy pháp luật để điều chỉnh các quan hệ xã hội ở nông thôn thì không ổn. Việc xoá bỏ Hương ước và Luật tục vô tình bỏ qua nét đẹp văn hoá truyền thống (xem thêm: 4, tr.110)<sup>(\*)</sup>, hạn chế phát triển

<sup>(\*)</sup> GS. TS. Hồ Sĩ Quý cho rằng, "truyền thống luôn luôn gợi ý thông minh cho tương lai. Trong truyền thống thường có những lời khuyên đắt giá

thuần phong mỹ tục, để lại những khoảng trống mà pháp luật cho dù hoàn thiện đến đâu cũng không thể bao quát hết. Thực tế đó đòi hỏi thừa nhận trở lại Hương ước và Luật tục - đó là lý do Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khoá VII chủ trương khuyến khích xây dựng và thực hiện Hương ước, phát huy tính tự quản nhân dân trong những lĩnh vực mà pháp luật không thể hoặc không cần phải điều chỉnh. Tiếp sau đó, Bộ Văn hoá - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Ban thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã ban hành Thông tư liên tịch số 03/2000/TTLT hướng dẫn xây dựng và thực hiện Hương ước và Luật tục góp phần tích cực vào việc ổn định trật tự xã hội nông thôn.

Tuy đề cao vai trò của Hương ước và Luật tục, nhưng Đảng ta cũng lưu ý rằng: 1) Phải có sự phân biệt rõ ràng Hương ước và Luật tục với pháp luật. Hương ước và Luật tục nằm trong phạm vi những gì mà pháp luật không điều chỉnh và được thực hiện một cách tự nguyện. 2) Cần xác định mối quan hệ giữa Hương ước và pháp luật để tìm ra phương thức tác động, sự tương hỗ giữa "lệ làng" và "luật nước", tạo hành lang pháp lý và tự do dân chủ cho nhân dân.

Có thể nói, Hương ước và Luật tục có một vai trò quan trọng trong việc giảm bớt sự quá tải cho pháp luật nhà nước, song chúng cũng là một lực cản to lớn trên bước đường xây dựng nhà nước pháp quyền. Nhiều lúc, nhiều nơi luật pháp nhà nước đi xuống địa phương bị

địa phương hoá hay biến tướng theo ý chí chủ quan của các quan chức. Ngày nay quan niệm *phép vua thua lệ làng* vẫn còn sống dai dẳng và ám ảnh như làm xuất hiện *Lệ làng hiện đại* - đó là một thứ lệ tái sinh không phải ở Làng theo đúng nghĩa của nó mà là ở các cơ quan nhà nước. Mỗi cơ quan với những quy định riêng làm rắc rối và chậm tiến độ công việc chung, ảnh hưởng không nhỏ đến việc thi hành pháp luật nhà nước.

*2. Lối sống trọng tình và thái độ cả nể đang gây ra nhiều loạn trong xử lý hành chính nhà nước, làm giảm tính hiệu lực của pháp luật*

Việt Nam là lân bang thân cận Trung Quốc, nên không tránh khỏi ảnh hưởng tư tưởng Nho giáo. Nho giáo du nhập vào Việt Nam những năm đầu công nguyên, ăn sâu vào tiềm thức người Việt làm phát sinh *quan niệm và lối sống coi trọng "lễ trị", "nhân trị" hơn pháp trị*. Thời xưa những quan niệm nêu trên trở thành một thứ chuẩn mực ứng xử, một khuôn vàng thước ngọc trong cách đối nhân xử thế theo nguyên tắc: "Bất hoạn quả nhi hoạn bất quân, bất hoạn bản nhi hoạn bất an" (không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng, không sợ nghèo, chỉ sợ dân không yên), nhờ vậy tuy pháp luật nhà nước không được vận dụng phổ biến, nhưng xã hội truyền thống Việt Nam vẫn bình yên vô sự. Nhưng trong xu thế hiện nay, nếu tuyệt đối hoá chúng, thì vô tình làm vô hiệu hoá pháp luật, biến pháp luật thành một hiện tượng "giơ cao đánh khẽ", cản trở tiến trình xây dựng nhà nước pháp quyền. Lối sống, thói quen hành xử trọng tình khinh lý (một bồ cái lý không bằng một tý cái tình) và thái độ cả nể (nhất thân, nhì quen), tuy là một nét đẹp truyền thống, nhưng nếu lạm dụng,

---

đối với tương lai. Và bởi thế, truyền thống là lối thoát cho những lo lắng, là liều thuốc chống stress của xã hội hiện đại".

nếu đưa thành một triết lý sống theo kiểu nguy biện “cho qua mọi chuyện”, “giải quyết nội bộ” thì dễ làm phát sinh tình trạng tự hoà giải trong nội bộ cộng đồng, trong cơ quan hơn là nhờ sự can thiệp pháp luật nhà nước.

*3. Tôn giáo tác động tích cực đến các mối quan hệ xã hội, củng cố và phát huy các giá trị đạo đức, điều chỉnh hành vi con người, xây dựng lối sống lành mạnh*

Ngay sau khi mới xuất hiện ở Trung Quốc, Lão giáo hay còn gọi là Đạo giáo đã du nhập, dễ dàng tìm thấy chỗ đứng trong đời sống tinh thần Người Việt. Đạo giáo tạo nên tín ngưỡng Totemism (thờ vật tổ), tôn thờ các hiện tượng tự nhiên giúp ích sản xuất nông nghiệp và đời sống con người. Dòng phái thần tiên trong Đạo giáo là nguồn cảm hứng cho người Việt sáng tạo những huyền tích như Chủ Đổng Tử, Từ Thức gặp Tiên, v.v... Các huyền tích này mang tính nhân văn cao cả và có ý nghĩa giáo dục đạo đức theo triết lý sống “ở hiền gặp lành”.

Phật giáo có vai trò không kém phần quan trọng trong đời sống xã hội Việt Nam. Với những quan niệm mang tính triết lý nhân bản sâu sắc như bát chính đạo, từ bi, bác ái, bố thí, phóng sinh, lối sống nặng về phương diện tinh thần, khuyên nhủ con người loại trừ tham - sân - si, v.v... Phật giáo đã ăn sâu vào tâm thức người Việt và trở thành phương thức tư duy, cách đối nhân xử thế thấu tình, đạt lý, góp phần hình thành ý thức pháp quyền, vì trong tâm thức Phật tử thường trực quan niệm “ác giả, ác báo”, “kẻ nào gieo gió, kẻ đó gặt bão”, “đời cha ăn mặn, đời con khát nước” - mọi tội ác đều có một sự trừng phạt vô hình nào đó của Đấng

siêu nhân, do vậy con người cần phải sống thiện, phải tu thân, tích đức.

Trải qua bao thăng trầm, cuối cùng Thiên Chúa giáo cũng tìm được chỗ đứng và có một ảnh hưởng không nhỏ trong đời sống xã hội Việt Nam, bởi vì những giáo lý ghi nhận trong *Kinh Thánh* luôn răn dạy con người nên “nhẫn nhục chịu đựng”, “làm lành, lánh dữ”, hơn thế, trong *Kinh Thánh* có nhiều điều răn để chúng ta tham chiếu khi biên soạn Bộ luật hôn nhân - gia đình.

Cao Đài là tôn giáo hình thành dựa trên sự thống nhất năm tôn giáo lớn, gọi là ngũ chi hợp nhất (Nho giáo, Lão giáo, Phật giáo, Kitô giáo, Thần giáo). Những giáo lý, đạo pháp và nghi lễ của tôn giáo bản địa này cũng như các tôn giáo khác (Đạo thờ cúng tổ tiên, thờ Thành Hoàng, thờ Thổ nghề, v.v...) ở Việt Nam hiện nay có tác động tích cực trong đời sống xã hội, nhất là trong việc tạo tiền đề lý luận và thực tiễn cho việc lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Trong lịch sử nhà nước phong kiến Việt Nam, khi soạn thảo các bộ luật mà điển hình là bộ luật Hồng Đức (triều đại nhà Lê) và bộ luật Gia Long (triều đại nhà Nguyễn), các quan lại trong bộ máy triều đình đã nghiên cứu và vận dụng triệt để các giáo lý. Bộ luật Hồng Đức, quy định tội thập ác, tức mười tội nghiêm trọng phải xử phạt nặng nhất, đa số là những tội vi phạm tín ngưỡng tôn giáo (trộm cắp đồ thờ cúng), tội vi phạm quan hệ cha, mẹ - con cái, thầy - trò, vợ - chồng, bạn hữu (ảnh hưởng tư tưởng Nho giáo), tội vi phạm tính mạng và nhân phẩm người khác (ảnh hưởng tư tưởng ngũ giới Phật giáo).

Do tôn giáo có một vai trò nhất định trong đời sống xã hội như vậy, nên để

đạt kết quả tốt trong việc xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam hiện nay, chúng ta nên tham khảo các giáo lý, các quan niệm đạo đức và đời sống tâm lý tôn giáo của giáo dân. TS. Nguyễn Sĩ Dũng nói rất có lý rằng, “nếu lợi ích và các quy phạm khác vẫn còn có thể phát huy được tác dụng, thì không nên lạm dụng pháp luật”, vì theo ông điều chỉnh quan hệ xã hội bằng các văn bản và quy phạm pháp luật “là cách điều chỉnh tốn kém hơn và ảnh hưởng đến quyền tự do của con người” (13, tr.7). Hơn nữa, từ xưa đến nay “nhân vật gây ảnh hưởng sâu xa nhất trên thế giới, không phải là nhà khoa học, nhà chính trị mà là người sáng lập ra tín ngưỡng” (18, tr.11).

Các giáo lý và quan niệm đạo đức tôn giáo không chỉ là cơ sở lý luận cho việc soạn thảo luật pháp, trong thực tế, chúng ta thấy, đời sống tâm lý của các tín đồ có thể làm cơ sở thực tiễn cho việc thi hành và bảo vệ pháp luật. Trong cuốn *Triết học đạo đức* các tác giả đề cao vai trò *Thuyết khổ hạnh* (Asceticism) trong tôn giáo. Theo họ, các hệ thống tôn giáo đều dạy con người phải biết làm chủ bản thân, biết kiềm chế những dục vọng xác thịt - vật chất, để ưu tiên cho những phúc lợi tinh thần. Lối sống khổ hạnh là một yêu cầu luân lý thể hiện trách nhiệm của con người đối với bản thân mình, với tha nhân và đồng loại, đồng thời là phương tiện đưa con người đi tới những mục tiêu cao thượng của đời sống nhân sinh. Như vậy, tôn giáo đang đồng hành cùng dân tộc trên bước đường xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN, đạo pháp và pháp luật đang từng bước xích lại gần nhau. Do vậy, cần quan tâm hơn nữa đến đời sống tâm lý tôn giáo cũng

như đời sống tâm linh công chúng, bởi vì, trong bất kỳ một thời đại nào, Luật pháp không tách rời Đạo pháp, Đời không tách rời Đạo.

Những phân tích trên tuy chưa bao quát hết mọi khía cạnh trong tính đặc thù văn hoá Việt Nam, nhưng cũng đủ nói lên rằng, văn hoá có ảnh hưởng to lớn như thế nào đến sự nghiệp xây dựng nhà nước pháp quyền. Văn hoá là nguồn chất liệu dồi dào để hình thành các quy phạm pháp luật, những quy phạm pháp luật được hình thành theo nguyên tắc như vậy khoa học pháp lý gọi là tập quán pháp. Từ cách nhìn này, có thể suy rộng ra rằng nhà lập pháp “không chỉ thu nạp những kiến thức pháp lý tiên tiến mà còn là nhà tâm lý học dân tộc, văn hoá học, sử học, địa - văn hoá, kinh tế học, xã hội học, v.v...” (15, tr.211). Có như vậy, nội dung pháp luật mới tương thích với thực tế và dễ dàng thâm nhập cuộc sống. Văn hoá, mà một bộ phận cấu thành của nó là văn hoá pháp luật, chính là cơ sở thực tiễn để thực thi pháp luật, là phương tiện thúc đẩy sự phát triển pháp luật. Thực tế chứng minh rằng, một xã hội có văn hoá cao là một xã hội trong đó mọi công dân thực thi pháp luật một cách nghiêm túc.

Xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN trong điều kiện chưa có tiền lệ ở Việt Nam là việc làm lâu dài, phức tạp, không chỉ đòi hỏi sự nỗ lực từ phía Đảng và nhà nước mà cần huy động sức mạnh tổng hợp toàn dân, trong đó cần chú ý đến phương diện đời sống văn hóa, bởi vì suy cho cùng, mục đích sự nghiệp “xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN là vươn tới một nhà nước mang bản chất văn hoá” (10, tr.281).

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII. H.: Sự thật, 1991.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX. H.: Chính trị quốc gia, 2001.
3. Trần Ngọc Thêm. Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam. Tp. Hồ Chí Minh: Tp. Hồ Chí Minh 2004.
4. Hồ Sĩ Quý. Tìm hiểu về văn hoá và văn minh. H.: Chính trị quốc gia, 1999.
5. Nguyễn Đăng Dung, Bùi Ngọc Sơn. Lệ làng xưa và “lệ làng” nay. *Tạp chí Cộng sản*, số 28 - 2003.
6. Khổng tử. Luận ngữ (bản dịch Đoàn Trung Còn). Sài Gòn: Trí Đức, 1950.
7. Bùi Ngọc Sơn. Xây dựng Nhà nước pháp quyền trong bối cảnh văn hoá Việt Nam. H.: Tư pháp, 2004.
8. Nguyễn Trãi toàn tập. H.: Khoa học xã hội, 1976.
9. Nguyễn Thị Việt Hương. Ảnh hưởng của giá trị truyền thống làng xã tới quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, in trong cuốn “Xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn hiện nay”. H.: Từ điển bách khoa, 2009.
10. Nguyễn Văn Huyền (chủ biên). Văn hoá - mục tiêu và động lực của sự phát triển xã hội. H.: Chính trị quốc gia, 2006.
11. Max Weber. Thuyết khổ hạnh và tinh thần của chủ nghĩa tư bản, in trong "Những vấn đề nhân học tôn giáo". Đà Nẵng: 2006.
12. Viện nghiên cứu tôn giáo. Bước đầu tìm hiểu Đạo Cao Đài. H.: Khoa học xã hội, 1995.
13. Nguyễn Sĩ Dũng. Bàn về triết lý của lập pháp. *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 6 - 2003.
14. Triết học đạo đức. H.: Văn hoá thông tin, 2002.
15. Nguyễn Như Phát. Xã hội dân sự và xây dựng xã hội dân sự ở Việt Nam hiện nay, in trong cuốn sách “Xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn hiện nay - một số vấn đề lý luận và thực tiễn”. H.: Từ điển bách khoa, 2009.
16. Lê Minh Quân. Xây dựng Nhà nước pháp quyền đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước theo định hướng XHCN ở Việt Nam hiện nay. H.: Chính trị quốc gia, 2003.
17. Nguyễn Duy Quý. Xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng trong điều kiện nước ta hiện nay. *Tạp chí Triết học*, số 10/2002.
18. Phùng Đạt Văn. Tín ngưỡng và lý tính. *Tạp chí Nghiên cứu tôn giáo*, số 5/2003.
19. Đào Trí Úc. Xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam. H.: Chính trị quốc gia, 2005.
20. Nguyễn Văn Yếu, Lê Hữu Nghĩa (đồng chủ biên). Xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong thời kỳ đổi mới. H.: Chính trị quốc gia, 2006.